

Thứ ba, ngày 17 tháng 10 năm 2023

Vietnam Daily Review

VN-Index tiếp tục giảm gần 20 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 17/10/2023		●	
Tuần 16/10-20/10/2023		●	
Tháng 10/2023		●	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Thị trường giằng co trong vùng 1,140 – 1,150 cả ngày trước khi giảm mạnh vào cuối phiên và đóng cửa tại mốc 1,121.65, giảm gần 20 điểm so với phiên trước đó. Độ rộng thị trường nghiêng về phía tiêu cực với 17/18 ngành giảm điểm, trong đó mức giảm mạnh nhất thuộc về ngành Hóa chất, Xây dựng và vật liệu, Bán lẻ,... Về giao dịch của khối ngoại, hôm nay khối này mua ròng trên cả hai sàn HSX và HNX. Trong những phiên giao dịch tới, thị trường có thể sẽ tiếp tục quản tính giảm điểm và trở về ngưỡng 1,105. Nhà đầu tư nên giao dịch cẩn trọng.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều giảm theo nhịp vận động của VN30. Khuyến nghị nhà đầu tư giao dịch thận trọng trong những phiên tới.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 17/10/2023, các chứng quyền biến động theo nhịp điều chỉnh của cổ phiếu cơ sở.

Điểm nhấn:

- VN-Index **-19.77** điểm, đóng cửa **1121.65** điểm. HNX-Index **-6.43** điểm, đóng cửa **230.03** điểm.
- Kéo chỉ số tăng: **VPB (+0.34)**, **VRE (+0.17)**, **HDB (+0.11)**, **VJC (+0.06)**, **EVF (+0.05)**.
- Kéo chỉ số giảm: **GVR (-1.19)**, **FPT (-1.14)**, **VHM (-1.13)**, **GAS (-0.97)**, **VIC (-0.94)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **12543** tỷ đồng, giảm **-11.67%** so với phiên trước. Tổng giá trị giao dịch đạt mức **13633** tỷ đồng.
- Biên độ dao động: **27.89** điểm. Thị trường có **107** mã tăng, **70** mã tham chiếu, **378** mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **21.17** tỷ đồng trên sàn HOSE, gồm **STB (143.14** tỷ), **SSI (37.72** tỷ), **VND (25.91** tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **92.39** tỷ đồng.

Diễn biến BSC30, BSC50:

- BSC30 **-3.10%**. Các mã diễn biến tích cực: **VRE (+1.12%)**, **VPB (+0.89%)**
- BSC50 **-4.06%**. Các mã diễn biến tích cực: **HDB (+0.86%)**, **PTB (+0.17%)**

Diễn biến các nhóm ngành và chỉ số

Du lịch và Giải trí	0.11%	Hàng & Dịch vụ	-2.57%
Viễn thông	0.00%	Bất động sản	-2.78%
Ngân hàng	-0.37%	Dầu khí	-3.13%
Truyền thông	-0.78%	Dịch vụ tài chính	-3.43%
Bảo hiểm	-0.81%	Công nghệ Thông	-3.56%
Y tế	-0.84%	Bán lẻ	-4.35%
Thực phẩm và đồ uống	-1.28%	Xây dựng và Vật liệu	-4.46%
Điện, nước & xăng dầu khí	-1.34%	Hóa chất	-5.56%
Tài nguyên Cơ bản	-1.35%	VN30	-1.06%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-1.41%	VNSML	-1.92%
Ô tô và phụ tùng	-1.76%	VNMID	-3.92%

BSC RESEARCH

Trường phòng

Trần Thăng Long
longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa
khoabn@bsc.com.vn
Phạm Thanh Thảo
thaopt1@bsc.com.vn
Vũ Việt Anh
anhvv@bsc.com.vn
Nguyễn Giang Anh
anhng@bsc.com.vn
Nguyễn Thùy Trang
trangnt1@bsc.com.vn

VN-INDEX **1121.65**
Giá trị: 12543.09 tỷ **-19.77 (-1.73%)**
Khối ngoại (ròng): 21.17 tỷ

HNX-INDEX **230.03**
Giá trị: 1942.09 tỷ **-6.43 (-2.72%)**
Khối ngoại (ròng): 92.39 tỷ

UPCOM-INDEX **86.65**
Giá trị: 657.29 tỷ **-0.7 (-0.8%)**
Khối ngoại (ròng): 0.85791 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	89.7	-1.40%
Giá vàng	1,918	-0.70%
Tỷ giá USD/VND	24,500	0.11%
Tỷ giá EUR/VND	25,855	0.29%
Tỷ giá JPY/VND	163.69	0.00%
LS liên NH 1 tháng	1.6%	
LS TPCP 5 năm	2.0%	-0.04%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
STB	143.14	VHM	-135.37
SSI	37.72	VPB	-86.63
VND	25.91	HPG	-48.80
DGC	22.41	MWG	-31.42
VIX	18.84	GAS	-17.43

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
Danh mục BSC30	Trang 2
Danh mục BSC50	Trang 3
Báo cáo mới nhất	Trang 4
Khuyến cáo sử dụng	Trang 5

Cập nhật giá cả hàng hóa sáng 17/10

Mặt hàng	Đơn vị	Giá	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu vào	Liên quan đầu ra
Dầu WTI	Barrel	86.66	-1.20%	0.72%	-3.95%	4.18%	PVT	GAS, BSR
Dầu Brent	Barrel	89.65	-1.40%	2.10%	-3.53%	-0.20%	PVT	GAS, BSR
Xăng	Gallon	2.28	0.79%	2.02%	-13.56%	-6.21%	HVN, VJC	PLX, OIL
Natural gas	USD/MMBtu	3.11	-3.90%	-7.89%	3.62%	-53.68%		
TTF Gas	EUR/MWh	48.47	-10.22%	10.27%	40.59%	-62.13%		
Vàng	Ounce	1,918.20	-0.70%	3.18%	-0.68%	16.37%		PNJ
Bạc	Ounce	22.61	-0.41%	3.27%	-2.69%	21.02%		PNJ
Đậu tương	Bushel	1,286.25	0.47%	1.74%	-2.32%	-7.65%	DBC, QNS	HKB
Sữa	Cwt	16.81	-0.18%	-0.41%	-8.49%	-22.75%	KDC	VNM, QNS
Cao su	JPY/kg	148.10	-0.34%	6.70%	4.74%	12.71%	SRC, CSM, DRC	DPR, PHR, HAG, HNG
Đường	LB	27.05	0.07%	-0.48%	-0.22%	44.11%	VNM, GTN, QNS	SBT, LSS, SLS, QNS,
Ure	USD/T	412.50	0.86%	-5.17%	-4.07%	-44.14%		DPM, DCM
Niken	LB	18,284.00	0.00%	-2.01%	-6.79%	-14.60%		PC1
Đồng	LB	3.58	-0.11%	-1.83%	-4.59%	4.70%	CAV, SAM, TGP, VTH	MSN, ACM, BGM
Xút	CNY/T	2,960.00	0.00%	-1.33%	-4.21%	11.28%		CSV
Thép	CNY/ton	3,589.00	0.08%	-0.91%	-5.95%	-4.45%		HPG
Nhôm	Ton	2,182.00	-0.80%	-2.65%	-1.71%	-2.11%	CAV, SAM, TGP, VTH	

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên 16/10, dầu thô Brent giảm 1.24 USD hay 1.4% xuống 89.65 USD/thùng. Dầu WTI giảm 1.03 USD hay 1.2% xuống 86.66 USD/thùng.
- Giá dầu giảm hơn 1 USD/thùng do dự đoán Mỹ có thể sớm đạt được một thỏa thuận nói lỏng các lệnh trừng phạt với Venezuela, trong khi các nhà đầu tư thấy xung đột Israel – Hamas không ảnh hưởng đến nguồn cung dầu thô trong ngắn hạn.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.7% xuống 1,918.2 USD/ounce, sau khi lên mức cao nhất kể từ ngày 20/9 trong phiên trước đó. Vàng Mỹ kỳ hạn tháng 12 đóng cửa giảm 0.4% xuống 1,934.3 USD/ounce.
- Giá vàng giảm trong phiên sau khi tăng mạnh trong phiên liền trước, nhưng kim loại trú ẩn an toàn này vẫn giữ trên mốc quan trọng 1,900 USD/ounce do xung đột leo thang tại Trung Đông.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2024 trên sàn giao dịch hàng hóa Đại Liên, Trung Quốc đóng cửa tăng 2.86% lên 862 CNY (117.93 USD)/tấn, cao nhất kể từ ngày 25/9. Hợp đồng kỳ hạn tháng 11 tại Singapore tăng 2.46% lên 117.1 USD/tấn, cao nhất kể từ ngày 3/10.
- Giá quặng sắt tăng do nhà đầu tư chào đón kích thích kinh tế mới nhất của Trung Quốc, không để ý tới áp lực từ việc cắt giảm sản lượng của một số nhà máy thép do lợi nhuận giảm.

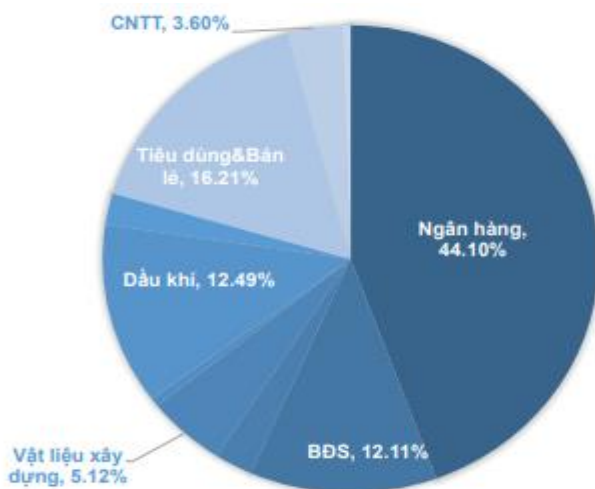
Giá hàng hóa khác

- Đường thô kỳ hạn tháng 3/2024 đóng cửa tăng 0.02 US cent hay 0.1% lên 27.05 US cent/lb, giá đã tăng 1% trong tuần trước. Đường trắng kỳ hạn tháng 12 giảm 2.3 USD hay 0.3% xuống 725 USD/tấn.
- Giá dầu đang tăng do các nhà đầu tư lo sợ cuộc chiến giữa Israel và Hamas có thể leo thang. Giá năng lượng ngày càng tăng thúc đẩy các nhà máy mía đường sản xuất thêm ethanol từ mía và sản xuất ít đường đi.

Danh mục BSC30

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	Giá mục tiêu (VND)	NN sở hữu	Link tài báo báo
VCB	Ngân hàng	85.9	-0.2%	0.9	19,644	1.3	5,797	14.8	105,000	23.5%	Link
BID	Ngân hàng	41.3	-0.8%	0.6	8,548	1.7	4,025	10.3	54,578	17.1%	Link
VPB	Ngân hàng	22.7	0.9%	1.0	6,263	24.1	1,727	13.1	23,685	16.6%	Link
TCB	Ngân hàng	31.8	-0.2%	1.6	4,569	2.4	5,059	6.3	-	22.5%	Link
MBB	Ngân hàng	18.1	-0.5%	1.4	3,862	4.0	3,496	5.2	24,400	23.2%	Link
STB	Ngân hàng	30.0	-0.7%	1.0	2,314	14.4	3,600	8.3	31,200	24.4%	Link
GVR	BĐS KCN	20.2	-5.8%	1.8	3,306	3.3	714	28.3	19,100	0.5%	Link
KBC	BĐS KCN	30.7	-7.0%	1.7	964	14.1	4,368	7.0	42,500	20.3%	Link
IDC	BĐS KCN	50.0	-2.2%	1.7	675	14.5	3,969	12.6	45,900	11.1%	Link
VGC	BĐS KCN	49.4	-6.9%	2.0	905	2.8	2,651	18.6	-	4.8%	Link
HPG	Vật liệu xây dựng	24.8	-0.8%	2.1	5,900	14.9	(328)	-75.6	23,300	26.4%	Link
VHM	Bất động sản	44.5	-2.3%	1.4	7,928	4.4	10,341	4.3	79,900	24.2%	Link
VRE	BĐS	27.0	1.1%	1.1	2,510	3.6	1,588	17.0	38,900	32.1%	Link
KDH	BĐS	29.6	-6.6%	1.8	968	2.7	1,280	23.1	44,100	38.9%	Link
NLG	BĐS	32.5	-5.5%	1.5	511	2.0	1,582	20.5	46,100	41.4%	Link
DGC	Hóa chất	90.2	-6.9%	1.6	1,402	11.3	10,728	8.4	85,000	13.5%	Link
DPM	Phân bón	38.2	-5.2%	0.8	612	6.1	6,403	6.0	41,000	15.4%	Link
DCM	Phân bón	34.5	-6.9%	1.1	747	6.1	4,286	8.1	36,000	11.4%	Link
GAS	Dầu khí	85.2	-2.0%	0.5	8,007	1.6	5,567	15.3	110,500	2.9%	Link
PLX	Dầu khí	36.0	-2.2%	0.9	1,872	1.5	2,125	16.9	45,000	17.3%	Link
PVS	Dầu khí	38.0	-6.6%	1.1	743	13.7	1,953	19.5	38,500	20.3%	Link
PVD	Dầu khí	27.0	-5.9%	1.3	614	8.5	449	60.1	29,000	21.3%	Link
POW	Tiện ích	11.2	-0.9%	0.7	1,078	1.5	602	18.7	14,500	6.2%	Link
VNM	F&B	74.8	-0.5%	0.4	6,396	4.4	3,935	19.0	81,700	54.4%	Link
MSN	F&B	71.0	-0.8%	1.1	4,157	2.1	916	77.5	27,700	30.5%	Link
MWG	Bán lẻ	46.3	-4.7%	1.7	2,771	14.9	1,069	43.3	63,800	49.0%	Link
PNJ	Bán lẻ	79.1	-1.0%	0.7	1,062	0.7	5,503	14.4	83,500	49.0%	Link
VHC	Thủy sản	76.0	-5.9%	0.6	570	4.1	7,080	10.7	90,900	32.1%	Link
GMD	Logistics	64.1	-2.0%	0.6	802	3.9	7,470	8.6	57,000	47.0%	Link
FPT	Công nghệ	93.1	-3.8%	0.6	4,838	9.2	4,573	20.4	108,000	49.0%	Link

Danh mục BSC30 gồm bao gồm 30 công ty có vốn hóa thị trường lớn nhất kèm thanh khoản lớn nhất trên cả ba sàn giao dịch chứng khoán Ho Chi Minh (HOSE), sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) và Sàn chứng khoán phi tập trung (Upcom). Các công ty trong BSC30 đại diện cho nhiều lĩnh vực kinh tế quan trọng, bao gồm ngân hàng, chứng khoán, hàng tiêu dùng, bán lẻ, công nghệ, sản xuất, logistic, điện và bất động sản. Các cổ phiếu trong BSC 30 được các chuyên gia BSC đánh giá, chọn lọc trên các tiêu chí hoạt động kinh doanh ổn định, tài chính mạnh mẽ, quản trị hiệu quả và cạnh tranh tốt trên thị trường. Việc đầu tư vào các cổ phiếu trong danh mục BSC30 được xem là một lựa chọn đáng tin cậy cho nhà đầu tư muốn đầu tư vào thị trường chứng khoán Việt Nam. Danh mục BSC30 sẽ được BSC định kỳ công bố hàng quý.



Danh mục BSC50

Cổ phiếu	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Tr USD)	Thanh khoản (tr USD)	EPS fw (VND)	P/E fw	P/B	NN sở hữu	ROE (%)
CTG	Ngân hàng	28.6	-0.70%	0.9	5,624	1.9	3,664	7.8	1.2	27.2%	16.1%
ACB	Ngân hàng	22.4	-0.7%	0.9	3,568	3.4	3,722	6.0	1.4	30.0%	25.2%
HDB	Ngân hàng	17.6	0.9%	0.8	2,077	6.7	2,765	6.3	1.3	20.0%	23.2%
LPB	Ngân hàng	14.0	-1.1%	1.1	1,465	1.4	1,410	9.9	1.4	3.9%	15.9%
VIB	Ngân hàng	18.6	-1.1%	1.4	1,936	2.1	3,534	5.3	1.4	20.5%	28.8%
VND	Chứng khoán	20.0	-4.5%	2.0	997	15.1	467	42.8	1.6	23.6%	3.8%
TPB	Ngân hàng	16.5	-1.8%	1.1	1,486	2.3	2,697	6.1	1.2	28.8%	19.8%
SSI	chứng khoán	31.4	-2.0%	1.5	1,929	25.1	1,090	28.9	2.2	46.1%	9.0%
CII	Xây dựng	16.2	-6.9%	1.9	188	8.4	318	50.8	6.5	8.5%	2.6%
C4G	Xây dựng	12.2	-4.7%	1.8	0	0.8	445	27.4	1.2	0.0%	5.2%
CTD	Xây dựng	51.2	-6.4%	1.9	208	2.4	681	75.1	0.6	43.5%	0.8%
HHV	Xây dựng	15.7	-6.5%	1.4	212	8.1	919	17.1	0.6	4.8%	4.2%
LCG	Xây dựng	12.0	-6.6%	2.1	93	2.3	482	24.9	0.9	3.1%	3.8%
BCM	KCN	64.2	-2.3%	0.6	2,719	0.8	418	153.6	3.8	2.7%	1.7%
HUT	KCN	22.3	-6.3%	1.4	814	4.4	56	394.7	5.4	2.0%	1.3%
PHR	KCN	49.0	-4.1%	1.2	272	1.1	6,568	7.5	1.9	15.4%	26.9%
SZC	KCN	36.3	-6.9%	1.7	178	3.0	1,405	25.8	2.7	3.0%	10.9%
HSG	Vật liệu	18.0	-4.3%	2.3	454	4.9	(2,105)	-8.6	1.1	20.5%	2.3%
HT1	Vật liệu	13.5	-1.1%	1.3	211	0.1	176	76.7	1.1	3.6%	1.3%
NKG	Vật liệu	18.6	-6.5%	2.5	200	5.6	(2,655)	-7.0	1.0	10.6%	13.5%
PTB	Vật liệu	57.4	0.2%	1.0	157	0.6	5,309	10.8	1.4	17.4%	13.4%
KSB	Vật liệu	26.7	-7.0%	1.6	83	1.3	1,482	18.0	1.0	3.0%	5.8%
NVL	BDS	13.8	-5.5%	2.0	1,097	7.3	(295)	-46.5	0.7	3.8%	1.9%
DXG	BDS	16.4	-6.0%	2.9	409	7.0	(317)	-51.8	0.7	18.5%	3.4%
HDC	BDS	29.7	-4.5%	1.5	164	2.7	2,190	13.6	2.2	2.0%	16.9%
DIG	BDS	21.8	-6.8%	2.8	545	9.8	152	143.5	1.7	5.6%	1.1%
IJC	BDS	13.8	-1.8%	1.9	142	0.5	1,597	8.6	0.9	5.7%	10.9%
BSR	Dầu khí	20.8	-3.3%	1.5	0	9.7	1,596	13.0	1.3	0.4%	9.7%
PVT	Dầu khí	28.0	-7.0%	0.6	371	8.9	2,993	9.4	1.1	13.5%	16.4%
PLC	Vật liệu	32.9	-2.1%	1.5	109	0.2	1,353	24.3	2.1	1.2%	8.5%
DRC	Săm lốp	23.1	-3.7%	1.1	112	0.3	1,980	11.7	1.6	11.5%	13.5%
REE	Tiện ích	61.6	-1.0%	0.6	1,030	0.8	6,445	9.6	1.3	49.0%	18.5%
GEX	Tiện ích	20.2	-6.9%	1.8	704	12.5	384	52.5	0.9	11.9%	5.4%
NT2	Tiện ích	24.4	0.0%	0.6	288	0.4	2,560	9.6	1.5	15.3%	16.2%
HDG	Bất động sản	26.0	-5.5%	1.6	325	0.9	2,739	9.5	1.2	23.8%	16.8%
PC1	Tiện ích	29.9	-6.9%	1.5	331	9.2	944	31.7	1.5	5.6%	5.0%
GEG	Tiện ích	13.8	-4.2%	0.6	193	0.8	636	21.7	0.8	45.9%	5.6%
BCG	Tiện ích	8.5	-5.9%	2.6	186	1.9	(79)	-108.1	0.3	2.0%	0.3%
SAB	F&B	69.9	-1.4%	0.3	3,668	1.0	3,518	19.9	3.6	62.3%	18.7%
QNS	F&B	47.7	-2.7%	0.5	0	2.1	4,965	9.6	2.2	16.2%	24.3%
FRT	Bán lẻ	94.5	-2.6%	1.1	527	2.4	(327)	-288.7	8.1	32.6%	11.8%
DGW	Bán lẻ	54.3	-6.7%	2.2	371	6.1	2,984	18.2	4.1	23.6%	21.9%
DBC	F&B	21.0	-6.5%	2.0	208	2.2	551	38.1	1.1	5.9%	2.9%
PET	Bán lẻ	26.2	-1.3%	2.4	114	0.5	837	31.3	1.5	1.4%	5.7%
BAF	F&B	23.1	-1.7%	0.7	136	1.8	1,225	18.9	1.9	0.1%	10.2%
ANV	Thủy sản	36.6	-7.0%	1.6	199	7.4	2,162	16.9	1.8	3.9%	10.0%
VSC	Logistics	25.7	-4.5%	0.5	140	0.6	1,370	18.8	1.1	3.2%	7.9%
HAH	Logistics	36.7	-6.9%	1.0	158	6.3	5,742	6.4	1.3	4.1%	24.6%
CTR	Công nghệ	75.2	-5.5%	1.3	352	0.7	4,238	17.7	5.2	9.7%	32.1%
TNG	Đệt may	18.8	-9.2%	1.3	87	2.7	2,353	8.0	1.4	21.5%	17.1%

Danh mục BSC50 bao gồm 50 công ty được lựa chọn dựa trên các tiêu chí về thanh khoản trong nhóm 100 mã cổ phiếu có thanh khoản tốt nhất trên cả ba sàn giao dịch. Các cổ phiếu này có beta cao hơn nhóm BSC30, tuy nhiên vẫn thuộc top doanh nghiệp dẫn đầu trong các ngành Ngân hàng, Chứng khoán, Bảo hiểm, Xây dựng, Bất động sản, Vật liệu, Logistic, Dầu khí, Tiêu dùng, Công nghiệp, và Tiện ích (Điện, nước)... BSC 50 được các chuyên gia BSC đánh giá định kỳ hàng quý để đảm bảo rằng các cổ phiếu vẫn đáp ứng các tiêu chí được đưa ra. Danh sách BSC50 phù hợp với giai đoạn thị trường tăng trưởng và có tiềm năng cho các nhà đầu tư tìm kiếm cơ hội giao dịch trading ngắn hạn.

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Phân tích vĩ mô	Phân tích ngành	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Macro Market Outlook 2023_VN_Trong nguy có cơ	x		Click
2	BSC_Vietnam Sector Outlook 2023		x	Click
3	BSC_Hoạt động hút ròng Tín phiếu NHNN và thị trường chứng khoán	x		Click
4	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 09.2023	x		Click
5	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 08.2023	x		Click
6	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 07.2023	x		Click
7	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 06.2023	x		Click
8	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 05.2023	x		Click
9	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 04.2023	x		Click
10	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 03.2023	x		Click
11	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 02.2023	x		Click
12	BSC_Vĩ mô & Thị trường Tháng 01.2023	x		Click

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 8 & 9 Tòa nhà Thái Holdings
210 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
BSC trân trọng cảm ơn quý khách hàng!
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

Đối với Phân tích Nghiên cứu

Phòng Phân tích Nghiên cứu

hn.ptnc@bsc.com.vn
(+84) 39352722 - Ext 108

Đối với Khách hàng tổ chức

Phòng TVĐT và môi giới KHTC

hn.tvdt.khtc@bsc.com.vn
(+84)2439264659

Đối với Khách hàng cá nhân

Trung tâm tư vấn i-Center

i-center@bsc.com.vn
(+84)2437173639